

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09 /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 9 - 2025

“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Tiến Dũng và ông Nguyễn Tiến Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thu Hậu – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Trang - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 34/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13a/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1995

Địa chỉ: Khu G, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (nay là khu G, phường P, tỉnh Phú Thọ).

Bị đơn: Anh Hà Quang T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu G, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (nay là khu G, phường P, tỉnh Phú Thọ).

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án, chị Vũ Thị H trình bày:

Chị Vũ Thị H và anh Hà Quang T đăng ký kết hôn ngày 17/01/2013 tại UBND xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về chung sống tại khu G, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (nay là

khu G, phường P, tỉnh Phú Thọ). Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra xích mích. Từ tháng 4/2025 đến nay, chị H chuyển về sống cùng bố, mẹ đẻ. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể kéo dài nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Hiện chị H là công nhân của Công ty TNHH J, thu nhập trung bình 11.000.000 đồng – 12.000.000 đồng/ tháng.

Về con chung: Vợ chồng chị H, anh T có 02 con chung là cháu Hà Vũ Phương L, sinh ngày 14/12/2012 và cháu Hà Minh T1, sinh ngày 31/7/2014. Khi ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 cháu, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Cháu Hà Minh T1 và cháu Hà Vũ Phương L trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn, các cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Hà Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc và không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND phường P, tỉnh Phú Thọ thể hiện: Chị Vũ Thị H và anh Hà Quang T đăng ký kết hôn ngày 17/01/2013 tại UBND xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, chị H, anh T xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không nắm bắt được do anh chị không yêu cầu địa phương hoà giải. Khoảng 1-2 tháng gần đây, chị H không sinh sống cùng anh T, chỉ thỉnh thoảng về chơi và đón con. Chị H và anh T có 02 con chung, hiện nay các cháu vẫn đang ở cùng anh T. Nay chị H và anh T ly hôn, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Phú Thọ giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện anh T vẫn sinh sống cùng gia đình tại địa phương, anh T là lao động tự do, cụ thể là công việc gì, địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, điều 56, điều 58, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX:

Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Vũ Thị H được ly hôn anh Hà Quang T.

Về con chung: Chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Vũ Phương L, sinh ngày 14/12/2012 và cháu Hà Minh T1, sinh ngày 31/7/2014 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Hà Quang T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh T có hộ khẩu thường trú tại phường P, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh T cố tình lẩn tránh, từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, anh T không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được. Phiên tòa ngày 28/8/2025, bị đơn anh Hà Quang T đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh Hà Quang T đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời chị H cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1, 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ lời khai của đương sự và xác minh tại chính quyền địa phương chị Vũ Thị H đăng ký kết hôn với anh Hà Quang T ngày 17/01/2013 tại UBND xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra xích mích. Từ tháng 4/2025 đến nay, chị H và anh T đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày quan điểm của anh về các nội dung của vụ án cho thấy bản thân anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

* Về con chung: Vợ chồng anh T, chị H có 02 con chung là cháu Hà Vũ Phương L, sinh ngày 14/12/2012 và cháu Hà Minh T1, sinh ngày 31/7/2014. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa làm việc, không thể hiện nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị H mong muốn được nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh Trung cấp D nuôi con chung cháu Hà Minh T1 và cháu Hà Vũ Phương L đều có nguyện vọng sống với chị H nếu anh chị ly hôn. Hiện chị H đang ở cùng bố mẹ đẻ, đang làm công nhân tại Công ty TNHH J, thu nhập trung bình 11.000.000 đồng - 12.000.000 đồng/ tháng. Do đó, chị H có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cả cháu L và cháu T1. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của hai cháu cần phải giao cho chị H nuôi dưỡng hai cháu theo quy định. Chị H không đề nghị anh Trung cấp D nuôi con nên không xem xét giải quyết.

* Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị Vũ Thị H trình bày không có. Nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh T vắng mặt nên không có lời trình bày, do đó không biết các quan hệ trên có hay không. Do vậy, các quan hệ này cần được tách ra khi nào có yêu cầu thì Tòa án xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Hà Quang T.

[2]. Về con chung: Giao cho Chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Vũ Phương L, sinh ngày 14/12/2012 và cháu Hà Minh T1, sinh ngày 31/7/2014 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này.

[3]. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002780 ngày 07/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Phú Thọ), chị H đã nộp đủ tiền án phí.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ
- VKSND khu vực 2 - Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 2, Phú Thọ;
- Phòng giám đốc kiểm tra, Thanh tra và Thi hành án hình sự;
- UBND phường Phú Thọ.
- Lưu HS; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Ngọc Hà